CTY CP KS&XD BÌNH DƯƠNG
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận An, ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
HOẠT ĐỘNG CỦA CTCP KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG NĂM 2014

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP KS & XD Bình Dương

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2005;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP KS & XD Bình Dương;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 16/4/2014;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã được chi nhánh Công ty TNHH Deloittle Việt Nam kiểm toán và xác nhận.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014 của CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương như sau:

1) Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2014:

a) Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2014.

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014, về cơ bản HĐQT và Ban TGĐ đã hoàn thành Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung vào hoạt động kinh doanh chính (khai thác, chế biến khoáng sản, chiếm 88% tổng DT) để Công ty hoàn thành vượt kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ 2014. Cụ thể, Doanh thu vượt 10%, Lợi nhuận trước thuế đạt 105,3%, doanh thu chế biến khai thác khoáng sản đạt 113,4%.

Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2014	TH 2014	So sánh %	
					TH 2014 /TH 2013	TH 2014 /KH 2014
1	Tổng doanh thu (bán hàng, TNTC, TN khác)	548.124.626.731	580.000.000.000	637.372.645.761	116.3%	110%
2	LNTT	112.518.114.115	119.000.000.000	125.309.897.345	111,4%	105,3%

Việc tạm ứng cổ tức cho các cổ đông đã được thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014.

Doanh thu năm 2014 đối với từng hoạt động kinh doanh (ĐVT: đồng)

STT	Ngành kinh doanh	KH 2014	TH 2014	TH/KH
1	Khai thác, CB Khoáng sản	492.460.000.000	558.664.307.874	113,4%
2	Sản xuất VLXD	52.300.000.000	43.085.737.807	82,4%
3	SX khác, dịch vụ (nước tinh khiết, bến thủy, dịch vụ)	8.540.000.000	8.656.102.422	101,4%
4	KCN Đất Cuốc	20.800.000.000	13.602.249.835	65,4%
5	Hoạt động kinh doanh khác	5.900.000.000	13.364.247.823	226,5%
	TỔNG	**580.000.000.000**	**637.372.645.761**	**110%**

b) Thực hiện các dự án đầu tư:

Trong năm 2014, Ban Lãnh đạo Công ty đã triển khai nghiên cứu khảo sát, thực hiện gồm: dự án Dự án mỏ đá Minh Hòa - Dầu Tiếng, Mỏ sét gạch ngói Bố Lá - Phú Giáo, Nhà máy gạch chưng áp, Nhà máy xử lý nước thải (khu B 3000 m3/ngđ), Nhà hàng tiệc cưới Thanh Bình, Hệ thống lắng lọc ép khung bản cao lanh, Dự án khu Biệt thự cao cấp Bình Đức, nhà điều hành KCN và một số dự án đầu tư phục vụ hoạt động kinh doanh chính.

Các dự án đã được hoàn thành đưa vào sử dụng: Nhà hàng tiệc cưới Thanh Bình, Hệ thống lắng lọc ép khung bản cao lanh, nhà điều hành KCN. Những dự án này có chi phí thực hiện thấp hợp so với tổng mức đầu tư được phê duyệt, hiện tại đang trong quá trình hoàn công, quyết toán dự án. Chi tiết giá trị quyết toán sẽ được Ban Lãnh đạo báo cáo lại các cổ đông.

Một số dự án chưa phù hợp hoặc không hiệu quả đã dừng thực hiện như mỏ đá Minh Hòa - Dầu Tiếng (chất lượng đá thấp), Nhà máy gạch chưng áp (không khả thi với thị trường hiện tại).

Đánh giá: Trong quá trình triển khai dự án, về cơ bản HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện theo kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ 2014. Đối với những dự án không có hiệu quả, Ban Lãnh đạo Công ty đã đánh giá thận trọng trước khi ra quyết định để giảm thiểu chi phí nghiên cứu dự án. Một số dự án có giá trị lớn (Nhà hàng tiệc cưới Thanh Bình) đều được thực hiện công khai thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

2) Giám sát về hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ

Qua công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình và tuân thủ theo các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy trình của pháp luật.

Việc trình lập và sử dụng tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014 đúng như Nghị quyết đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Ban lãnh đạo và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3) Thẩm định Báo cáo Tài chính

Các phòng ban thuộc Công ty có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động chuyên môn. Thực hiện tốt quy chế phối hợp góp phần thúc đẩy công tác nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.

Công tác quyết toán tài chính của Công ty được thực hiện hàng quý, Công ty chấp hành tốt các chuẩn mực kế toán: Hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, kê khai thuế và các quy định khác của pháp luật. Công tác quản trị tại Doanh nghiệp ngày càng chặt chẽ và đáp ứng yêu cầu quản lý chung của Công ty.

Công ty đã thực hiện trích lập các Quỹ phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014.

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Đây là đơn vị đã được ĐHĐCĐ chỉ định thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014 cho công ty. BCTC 2014 được kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm 2014:

STT	TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2013
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**303.472.120.588**	**232.881.098.700**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	126.659.994.615	83.664.567.396
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**116.347.530.305**	**102.775.807.505**
1	Phải thu khách hàng	112.334.480.223	102.027.917.784
2	Trả trước cho người bán	8.524.774.654	3.893.565.396
3	Các khoản phải thu khác	150.999.283	3.087.791.130
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(4.662.723.852)	(6.233.466.805)
IV	**Hàng tồn kho**	**54.490.283.280**	**41.151.120.966**
1	Hàng tồn kho	54.490.283.280	41.151.120.966
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**5.794.312.388**	**5.289.602.833**
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**476.665.747.942**	**457.409.004.580**
I	**Tài sản cố định**	**239.140.263.824**	**222.920.130.107**
II	**Bất động sản đầu tư**	**156.447.906.493**	**158.137.919.587**
	- Nguyên giá	179.427.019.447	177.250.751.137
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	(22.979.112.954)	(19.112.831.550)
III	**Tài sản dài hạn khác**	**81.077.577.625**	**76.350.954.886**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**780.137.868.530**	**690.290.103.280**

STT	NGUỒN VỐN	31/12/2014	31/12/2013
A	**NỢ PHẢI TRẢ**	**294.044.478.920**	**233.458.384.954**
I	**Nợ ngắn hạn**	106.502.847.018	51.857.106.316
II	**Nợ dài hạn**	187.541.631.902	181.601.278.638
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**486.093.389.610**	**456.831.718.326**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**780.137.868.530**	**690.290.103.280**

Qua xem xét BCTC đã được kiểm toán, Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của đơn vị Kiểm toán về BCTC của Công ty.

4) Đánh giá hoạt động của Công ty.

Qua các số liệu đã được kiểm toán trên BCTC 2014 Ban Kiểm soát nhận thấy: Công ty hoạt động có hiệu quả, tình hình tài chính lành mạnh so với một số đơn vị hoạt động trong cùng ngành nghề (ROE năm 2014 đạt 19,8%, EPS đạt 5.335 đ/cp). Với tình hình tài chính dồi dào, hiện tại Công ty chưa phát sinh các khoản vay do đó không phải chịu áp lực về chi phí tài chính.

Bên cạnh đó tình hình công nợ khách hàng năm 2014 của Công ty vẫn còn cao, có xu hướng tăng so với năm 2013 (112,3 tỷ đồng và 102,02 tỷ đồng) chưa đạt được so với kế hoạch đã đề ra tại ĐHCĐ 2013 (phấn đấu mức dư nợ phải thu bình quân 60 tỷ đồng).

Giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường không có biến động lớn (khoảng 28-31.000 đ/cp), tính thanh khoản chưa cao.

5) Nhận xét, kiến nghị

Năm 2014 điều kiện SXKD gặp nhiều khó khăn: diễn biến giá cả vật tư đầu vào phức tạp, đặc biệt là giá nhiên liệu luôn thay đổi, các quy định pháp luật về quản lý Khoáng sản, vận tải và môi trường được siết chặt, tác động đến các hoạt động SXKD của Công ty, nhưng HĐQT, Ban TGĐ đã tích cực đề ra các giải pháp đưa Công ty phát triển ổn định và bền vững hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT, Ban TGĐ:

- Ban TGĐ Công ty tiếp tục phát huy sự linh hoạt trong điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, kết hợp thu hồi công nợ, giảm nợ phải thu, không để nợ xấu phát sinh.

- HĐQT, Ban TGĐ nghiên cứu, xem xét bổ sung, ban hành một số Quy chế nội bộ như Quy chế quản lý tài chính, quy chế thu hồi công nợ… để đảm bảo việc hoạt động của Công ty được bền vững, lâu dài.

- HĐQT, Ban TGĐ chủ động rà soát các quy định trong Luật doanh nghiệp mới (có hiệu lực từ 01/7/2015) để sửa đổi bổ sung Điều lệ và các Quy chế hiện hành cho phù hợp với quy định của pháp luật.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư, mua sắm vật tư, thiết bị để đảm bảo công tác đầu tư được công khai, minh bạch, hiệu quả.

6) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát 2015:

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ mà Đại hội đồng Cổ đông giao, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong chi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2015, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tình hình thực hiện kế hoạch, các định mức kinh tế kỹ thuật năm 2015, các dự án đầu tư, mua sắm tài sản.

- Thực hiện kiểm tra việc trích lập và sử dụng các nguồn quỹ do ĐHĐCĐ phê duyệt, xem xét báo cáo quyết toán quý, năm 2015 và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ.

Trên đây là một số nội dung chính về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2015, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt./.

T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Chu Thế Hoàng

KSB BIMICO
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, TX.Thuận An, tỉnh Bình Dương
Tel : 0650.3822602 - Fax : 0650.3823922 - Email: bimico@binhduong.com.vn

Thuận An, ngày 27 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Hội đồng quản trị báo cáo tình hình hoạt động điều hành năm 2014, dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2015 theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2014:

1. Các chỉ tiêu cơ bản: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội… Hội đồng quản trị thống nhất như nội dung báo cáo của Tổng Giám Đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

2. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014: còn một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch (Khai thác chế biến khoáng sản, bán hạ tầng Khu công nghiệp Đất Cuốc…) như mong muốn và kỳ vọng của cổ đông, của Hội đồng quản trị, của Ban điều hành, của cán bộ công nhân lao động nhưng doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế và lợi ích của cổ đông vẫn đạt và vượt kế hoạch, tăng so với năm 2013. Kết quả đó là đáng kể, là tích cực, là cơ bản khẳng định sự ổn định và phát triển đúng định hướng.

3. Thực hiện các mục tiêu định hướng và kế hoạch năm 2014.

   3.1. Khai thác chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi để ổn định và phát triển: duy trì ổn định các mỏ hiện có, chuẩn bị xong cơ bản các điều kiện cần và đủ để mở rộng,

xuống sâu, tăng thời hạn khai thác các mỏ đá Phước Vĩnh- Phú Giáo, Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên.

3.2. Tìm kiếm và chọn lựa được một mỏ sét gạch ngói mới: Bố Lá- Phú Giáo (30 ha) có chất lượng và hoàn thành cơ bản các thủ tục pháp luật, để cấp phép năm 2015. Kế hoạch đưa diện tích 16ha để xin thăm dò cấp mốc tại xã Tam Lập – Phú Giáo (liền kề với mỏ Phước Vĩnh).

3.3. Các dự án hoàn thành năm 2013 hoạt động tốt năm 2014, triển khai xây dựng các dự án mới: Hệ thống lắng lọc cao lanh Minh Long, Trung tâm hội nghị tiệc cưới Thanh Bình KSB đã hoàn thành và đưa vào hoạt động từ đầu năm 2015.

3.4. Chuẩn bị theo lộ trình các dự án đầu tư kinh doanh: Khu công nghiệp Đất Cuốc mở rộng – Huyện Bắc Tân Uyên, Khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến – Thị xã Thuận An.

3.5. Quyết định đầu tư bổ sung thiết bị máy móc, hạ tầng kỹ thuật và những trang bị cần thiết và bắt buộc khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh, xử lý môi trường, phòng chống cháy nổ và các hoạt động khác.

4. Quản lý công ty:

4.1. Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, dưới là các Xí nghiệp đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ, theo ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động mang tính chuyên nghiệp phù hợp với thực tế từng thời điểm.

4.2. Kiểm soát chặt chẽ: quy trình kỹ thuật, quy phạm sản xuất, hệ thống định mức, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát được tất cả các hoạt động kinh tế, phát hiện, ngăn chặn, hạn chế tối đa thất thoát, lãng phí bảo vệ các lợi ích của công ty.

4.3. Duy trì, cải tiến, mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008 bằng kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên, định kỳ.

4.4. Bảo đảm việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân lao động, xử lý quan hệ lao động theo quy định pháp luật. Bổ nhiệm mới, luân chuyển, điều chỉnh đội ngũ cán bộ các đơn vị đầu mối có đủ các kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ đúng quy trình và qua thực tế sàng lọc.

4.5. Tuân thủ các quy định pháp luật: pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành đối với tất cả các hoạt động của công ty. Giám sát, kiểm tra, thanh tra thường xuyên và

định kỳ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp được đánh giá là cơ bản, không bị xử phạt.

4.6. Quan hệ cổ đông: mọi quan tâm của cổ đông và cá nhân đầu tư về tình hình công ty được đáp ứng, chia cổ tức năm 2013 và tạm ứng cổ tức 2014 đầy đủ và kịp thời.

4.7. Thực hiện nghiêm túc các quy định với công ty niêm yết: báo cáo tài chính, công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, đúng thời gian quy định, rõ ràng, minh bạch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TPHCM và website của công ty.

4.8. Năm 2014, năm đầu thực hiện nhiệm kỳ 5 năm (2014 – 2018), Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty. Tổ chức họp định kỳ 03 tháng 01 lần, tổng số họp là 04 lần. Dân chủ công khai và thẳng thắn nhưng đoàn kết, thống nhất không có xung đột trong Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc điều hành.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015:

1. Thống nhất như dự thảo của Tổng Giám đốc về kế hoạch năm 2015: sản lượng, doanh thu, nộp thuế, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, đầu tư các dự án về khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, khu nhà ở cao cấp, việc làm thu nhập cho người lao động, nghĩa vụ xã hội và các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra năm 2015.

2. Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc điều hành cần tập trung vào các nhiệm vụ trọng yếu sau:

1.1. Những tồn tại của năm 2014 cần phải được khắc phục theo tiến độ ngay từ quý II năm 2015 (mục tồn tại trong báo cáo tổng kết).

1.2. Kết quả thực hiện quý I năm 2015 là tích cực, song cần phải thực hiện ngay các giải pháp được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua để hoàn thành cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, linh hoạt và tranh thủ điều kiện thời tiết mùa khô cũng như những cơ hội, " *là năm doanh nghiệp* ", thực hiện có chất lượng các mục tiêu ổn định lâu dài ngành khai thác chế biến khoáng sản.

1.3. Phải chủ động chuẩn bị ngay từ quý IV năm 2015 để tăng sản lượng đối với mỏ đá Phước Vĩnh, mỏ đá Tân Mỹ để cân bằng doanh thu, hiệu quả năm 2016 (Nếu mỏ đá Tân Đông Hiệp không được cấp mới bổ sung).

1.4. Bằng mọi biện pháp tích cực nhất tiết kiệm các chi phí đầu vào, giám sát chặt chẽ thực hiện các định mức tiêu hao để hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh.

1.5. Tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm bằng nhiều giải pháp phù hợp thời điểm trong năm để bán hết các loại sản phẩm theo kế hoạch năm 2015.

1.6. Đầu tư xây dựng cơ bản : Các dự án và hoạt động đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh, khảo sát nghiên cứu các dự án mới được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho năm kế hoạch và chiến lược dài hạn phải đúng quy định pháp luật, điều lệ công ty, phải đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

1.7. Tích cực thu hồi nợ tồn đọng, nợ phát sinh, giảm nợ bị chiếm dụng, không để nợ xấu, xem việc thu nợ là một nhiệm vụ chủ yếu năm 2015. Bảo tồn phát triển vốn và nguồn vốn chủ sở hữu.

1.8. Quản trị tốt nguồn nhân lực có kế hoạch đào tạo, huấn luyện cụ thể năm 2015 nhất là đội ngũ cán bộ, khoa học kỹ thuật, quản lý có trình độ và lao động kỹ thuật đủ điều kiện thực hiện các yêu cầu trên và vận hành có hiệu quả các dự án mới.

3. Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Ban điều hành công ty hàng tháng, quý, để có giải pháp phối hợp xử lý và điều chỉnh kịp thời.

Trên đây là những nội dung tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014, kế hoạch năm 2015 kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Trần Đình Hải

KSB BIMICO
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, TX.Thuận An, tỉnh Bình Dương
Tel : 0650.3822602 - Fax : 3823922 - Email: bimico@binhduong.com.vn

BÁO CÁO

THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

A-THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP:

1 - Tên Công ty:
- Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**
- Tên tiếng Anh: **Binh Duong Mineral and Construction Joint Stock Company**
- Viết tắt: **BIMICO**
- Trụ sở chính: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố Hoà Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (84.0650) 3822.602
- Fax: (84.0650) 3823.922
- Email: bimico@binhduong.com.vn
- Website: www.bimico.com.vn

2 - Đăng ký kinh doanh:
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 4603000226 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006 và được bổ sung thay đổi nhiều lần.
- Mã số doanh nghiệp: 3700148825 - Bình Dương
- Mã số doanh nghiệp: 3700148825-002 – Bình Phước

3 - Ngành nghề kinh doanh:
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, các loại thép hình.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản (khu công nghiệp, khu dân cư)
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngành khai thác mỏ (phi kim loại) điện cơ mỏ, đường giao thông.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai.
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, các dịch vụ: cho thuê nhà xưởng, nhà ở, xử lý nước thải và các dịch vụ khác.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống phục vụ hội nghị, nhà hàng tiệc cưới, thể thao (sân bóng mini),…

4 - Quá trình hình thành và phát triển:
- Thành lập ngày 13/01/1993.
- Chuyển hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/5/2006

- Công ty đại chúng từ tháng 7 năm 2007
- Niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dich chứng khoán TP.HCM ngày 20/01/2010.
- Mã chứng khoán: **KSB**

5 - Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Lần thứ nhất: 70 tỷ VND – vốn nhà nước 51%
- Lần thứ hai: 107 tỷ VND – vốn nhà nước 50,05%
- Lần thứ ba: 180 tỷ VND – vốn nhà nước 50,05%

6 - Cơ cấu cổ đông (đến ngày chốt Danh sách tham dự đại hội – 23/03/2015)

Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1- Cổ đông trong nước	492	13.794.407	76,64%
1.1- Cá nhân	471	2.567.466	14,27%
1.2- Tổ chức	21	11.226.941	62,37%
2- Cổ đông nước ngoài	38	4.205.593	23,36%
2.1- Cá nhân	28	462.550	2,57%
2.2- Tổ chức	10	3.743.043	20,79%
Tổng cộng	**530**	**18.000.000**	**100%**
- Cá nhân	499	3.030.016	16,83%
- Tổ chức	31	14.969.984	83,17%

7 - Giá chứng khoán trên sàn HOSE thời điểm 27/3/2015: 29.600 đ/CP

8 - Tổ chức bộ máy:

8.1 - Ban điều hành: 06 người
- Tổng Giám đốc (Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm): 01 người
- Phó Tổng Giám đốc: 05 người

(Trong đó 02 người trực tiếp điều hành xí nghiệp trực thuộc)

8.2 - Phòng nghiệp vụ: 06 phòng

8.3 - Các đơn vị đầu mối: 16 đơn vị
- Ngành KT, CB khoáng sản: 06 xí nghiệp
- Ngành SX.VLXD: 02 xí nghiệp
- Ngành KD. Bất động sản: 02 XN + Ban QL.
- Ngành vận tải, SX nước tinh khiết: 02 xí nghiệp
- Ngành xây dựng dân dụng: 01 xí nghiệp
- Dịch vụ nhà hàng, tiệc cưới, sân bóng mini: 01 Trung tâm
- Ngành dịch vụ QLý mỏ, xử lý MT: 02 đơn vị

8.4 - Lao động:
- Tổng lao động đầu năm: 510 người
- Tổng lao động tăng trong năm: 21 người
- Tổng lao động giảm trong năm: 19 người
- Tổng số lao động đến 31/12/2013: 518 người
- Ngoài ra lao động HĐ ngắn hạn theo thời vụ: 162 người

B-TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2014

Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh 2014 của Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương gặp nhiều khó khăn, cao điểm là quý I, 6 tháng đầu năm. Nhiều ý kiến cho rằng năm nay khó hoàn thành được kế hoạch do thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, cung vượt cầu, cạnh tranh quyết liệt, diễn biến giá cả vật tư đầu vào phức tạp, luôn thay đổi, nhiều sản phẩm có thời điểm giá bán thấp hơn giá thành, hàng tồn kho nhiều buộc phải điều chỉnh tiết giảm sản xuất. Bất động sản chuyển biến chậm, các Khu công nghiệp bị tác động của sự kiện 13/5. Khu công nghiệp Đất Cuốc của công ty, nhiều dự án đầu tư mới bị hủy bỏ, các dự án đang hoạt động cầm chừng và không mở rộng, các qui định pháp luật về tài nguyên khoáng sản, về môi trường, về vận tải hàng hóa, … được xiết chặt và tác động trực tiếp đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tận dụng các cơ hội và lợi thế cạnh tranh, linh hoạt trong quá trình điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ công nhân lao động, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 tương đối tốt.

Để đánh giá nhận xét thực hiện năm 2014, dự kiến kế hoạch năm 2015, Ban điều hành xin báo cáo trước Đại Hội Đông Cổ Đông thường niên như sau :

I- THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG:

1 - Sản lượng sản xuất:

Lĩnh vực SX/ cơ cấu sản phẩm	Đvt	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014 so với	
					KH 2014	TH 2013
I.-Khai thác, chế biến Khoáng sản						
1-Khai thác đá xây dựng	m^3	2.900.000	3.322.609	2.940.560	115%	113%
2- Chế biến đá xây dựng	m^3	2.770.000	2.989.105	2.954.886	108%	101%
3- Khai thác cao lanh	m^3	35.000	56.123	96.468	160%	58%
4- Chế biến cao lanh	tấn	23.500	15.381	18.845	65%	82%
- Chế biến bột	tấn	15.000	8.395	13.320	56%	63%
- Chế biến lọc	tấn	8.500	6.986	5.525	82%	126%
5- Khai thác cát Dầu Tiếng	m^3	98.000	90.150	86.252	92%	105%
II.- SX vật liệu xây dựng						
1- Gạch xây dựng các loại	viên	36.120.000	39.501.140	32.530.221	109%	121%
- Gạch xây dựng	viên	36.000.000	39.459.169	32.389.793	110%	122%
- Gạch Block	viên	120.000	41.971	140.428	35%	30%

2- Cống bê tông	m	40.000	54.487	16.446	136%	331%
III.- Nước tinh khiết đóng chai	lít	3.500.000	4.117.301	3.584.639	118%	115%
IV.- Dịch vụ vận tải						
1. Vận tải (nội bộ + bên ngoài).	tấnkm	5.000.000	5.228.284	5.346.744	105%	98%
2. Trung chuyển bến thủy (xuống hàng hóa)	m^3	120.000	137.085	120.000	114%	114%
V.- Hoạt động xây dựng các công trình	đồng	12.000.000.000	12.163.261.850	11.219.000.000	101%	108%
VI.- Bất động sản:						
- Cho thuê đất khu công nghiệp	ha					

2 - Sản lượng tiêu thụ:

Nội Dung	Đvt	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014 so với	
					KH 2014	TH 2013
I- Ngành khoáng sản	m^3					
1- Đá hộc khai thác	m^3	130.000	206.136	204.455	159%	101%
2- Đá chế biến các loại	m^3	2.813.000	2.957.848	2.835.548	105%	104%
3- Khai thác cao lanh	m^3	40.000	11.598	9.166	29%	127%
4- Cao lanh chế biến	tấn	23.500	15.023	20.493	64%	73%
- Chế biến bột	tấn	15.000	8.108	12.864	54%	63%
- Chế biến lọc	tấn	8.500	6.915	7.629	81%	91%
5- Cát xây dựng	m^3	98.000	84.181	82.651	86%	102%
II- Vật liệu xây dựng						
1- Gạch xây dựng các loại	viên	36.220.000	39.526.172	35.819.166	109%	110%
- Gạch Tuynel	viên	36.000.000	39.419.822	35.792.841	109%	110%
- Gạch block	viên	220.000	106.350	26.325	48%	404%
2- Cống bê tông các loại	m	40.000	31.955	11.996	80%	266%
III-Nước tinh khiết BIMICO	lít	3.500.000	4.121.899	3.576.543	118%	115%
IV- Bất động sản (KCN)			-	-	-	-
- Cho thuê đất khu CN	ha	10	1,2	-	12%	-

3 - Tồn kho sản phẩm đến 31/12/2014:

STT	Loại sản phẩm	Đvt	Năm 2014	Năm 2013
1	Đá hộc	m^3	224.382	
2	Đá chế biến	m^3	93.431	95.126
3	Cao lanh nguyên khai	m^3	80.436	66.200
4	Cao lanh chế biến	tấn	296	505
5	Sét gạch ngói làm nguyên liệu	m^3	26.789	67.436
6	Cát xây dựng	m^3	40.443	38.637
7	Gạch Tuynel	viên	1.116.924	1.077.577
8	Gạch block	viên	49.544	113.923
9	Cống bê tông các loại	M	30.552	7.700
10	Nước tinh khiết	Lít	8.878	13.476
11	Khu công nghiệp	Ha	67,17	68,37

II.- CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:

1- Doanh thu:

Đvt: đồng

STT	Ngành SXKD/ Cơ cấu sản phẩm	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	So sánh %	
					KH 2014	TH 2013
1	**Ngành KT, chế biến khoáng sản**	**492.460.000.000**	**558.664.307.874**	**479.133.544.555**	**113**	**117**
1.1	Đá xây dựng	459.160.000.000	531.117.893.931	455.398.507.763	116	117
1.2	Cao lanh	23.500.000.000	14.341.859.560	13.816.199.064	61	104
1.3	Sét gạch ngói			2.228.261.484		
1.4	Cát xây dựng	9.800.000.000	13.204.554.383	7.690.576.244	135	172
2	**Ngành SX.VLXD**	**52.300.000.000**	**43.085.737.807**	**32.602.831.015**	**82**	**132**
2.1	Gạch ngói Tuynel	25.600.000.000	27.292.221.815	25.417.716.526	107	107
2.2	Gạch Block	700.000.000	638.607.285	133.190.306	91	479
2.3	Cống bê tông	26.000.000.000	15.154.908.707	7.051.924.183	58	215
3	**Ngành SX nước tinh khiết, dịch vụ**	**8.540.000.000**	**8.656.102.422**	**8.525.796.597**	**101**	**102**
3.1	Nước tinh khiết đóng chai	4.500.000.000	4.399.475.185	3.875.642.535	98	114
3.2	Dịch vụ	4.040.000.000	4.256.627.237	4.650.154.062	105	92
4	**Bất động sản**	**20.800.000.000**	**13.602.249.835**	**20.192.564.184**	**65**	**67**
4.1	Khu CN Đất Cuốc	20.800.000.000	13.602.249.835	20.192.564.184	65	67
5	**Các hoạt động khác**	**5.900.000.000**	**13.364.247.823**	**7.679.890.380**	**227**	**174**
5.1	Doanh thu tài chính	900.000.000	1.713.475.575	1.904.891.983	190	90
5.2	Các hoạt động KD khác	5.000.000.000	11.650.772.248	5.774.998.397	233	202
	Tổng doanh thu	**580.000.000.000**	**637.372.645.761**	**548.134.626.731**	**110**	**116**

2- Lợi nhuận:

- Thực hiện năm 2013: 112.518.114.115 đ
- Kế hoạch năm 2014 : 120.000.000.000 đ
- Thực hiện năm 2014: 125.309.897.345 đ bằng 105% so kế hoạch, 111% thực hiện 2013.

3- Phân phối lợi nhuận năm 2014:

Đvt : đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
- Lợi nhuận trước thuế	125.309.897.348
+ Thuế TNDN phải nộp	28.324.975.407
+ Thuế TNDN hoãn lại	224.885.078
- Lợi nhuận sau thuế	96.760.036.860
+ Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ chưa thực hiện	(940.323.729)
+ Thuế TNDN hoãn lại	
- Lợi nhuận còn lại được phân phối	95.819.713.131
+ Quĩ đầu tư phát triển (5%)	4.790.985.657
+ Quĩ dự phòng tài chính (5%)	4.790.985.657
+ Quĩ khen thưởng, phúc lợi (12%)	11.498.365.576
+ Chia cổ tức (25% vốn điều lệ)	45.000.000.000
• Đã chia đợt 1 : 15% vốn điều lệ	27.000.000.000
• Chia tiếp đợt 2 : 10% vốn điều lệ	18.000.000.000
+ Quĩ điều hành của HĐQT + Ban KS	2.000.000.000
+ Lợi nhuận chưa phân phối	28.679.699.970

4- Tỷ suất lợi nhuận:

Đvt : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
- Tỷ suất lợi nhuận		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	20,53%	19,66%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	15,19%	15,18%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	24,63%	25,78%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	18,23%	19,91%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	16,30%	16,06%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	12,06%	12,40%

5- Lãi cổ phiếu:

Đvt : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
- Lợi nhuận sau thuế	83.277.075.822	96.760.036.860
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ chưa thực hiện	810.303.316	940.323.729
Trừ: Chi phí thuế TNDN hoãn lại	455.936.535	
- Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	82.010.835.971	95.819.713.131
- Số cổ phiếu lưu hành bình quân	18.000.000	18.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.556	5.335

6- **Thực hiện nộp ngân sách nhà nước:** Đvt : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	So sánh (2014/2013)
- Thuế giá trị gia tăng	20.134.902.632	23.623.324.417	117%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.114.149.555	29.588.044.220	109%
- Thuế tài nguyên	22.0077.649.293	27.188.022.593	123%
- Phí môi trường	7.370.601.630	7.573.699.510	103%
- Các khoản thuế khác	4.385.541.924	40.29.350.663	92%
Tổng cộng	**81.082.845.034**	**92.002.441.403**	**113%**

Thực hiện năm 2014 bằng 110 % so kế hoạch 2014.

7- Tình hình vốn và nguồn vốn :

7.1- Tổng tài sản: **780.137.868.530 đ**

- **Tài sản ngắn hạn:** **303.472.120.588 đ**
  - + Tiền và các khoản tương đương tiền: 126.659.994.615 đ
  - + Các khoản phải thu ngắn hạn: 116.347.530.305 đ
  - + Sản phẩm hàng hóa tồn kho: 54.490.283.280 đ
  - + Tài sản ngắn hạn khác: 5.974.312.388 đ
- **Tài sản dài hạn:** **476.665.747.942 đ**
  - + Tài sản cố định: 239.140.263.824 đ
  - + Bất động sản đầu tư: 156.447.906.493 đ
  - + Tài sản dài hạn khác: 81.077.577.625 đ

7.2- Tổng nguồn vốn: **780.137.868.530 đ**

- **Nợ phải trả:** **294.044.478.920 đ**
  - + Nợ ngắn hạn: 106.502.847.018 đ
  - + Nợ dài hạn: 187.541.631.902 đ
- **Vốn chủ sở hữu:** **486.093.389.610 đ**

7.3- Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm ngày 31/12/2014: 27.005 đ/cổ phiếu

8- Căn cứ báo cáo các số liệu trên là:

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Kết quả kiểm kê định kỳ thời điểm 01/01/2015.

III. Thực hiện các dự án đầu tư:

1. Khu công nghiệp Đất Cuốc (Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương):

1.1. Tình hình Khu công nghiệp đến 31/12/2014:

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
				KHU A	KHU B
1	Tổng diện tích toàn khu:	ha	209,70	102,10	107,60
	+ Diện tích làm hạ tầng, nhà ở, dịch vụ, công viên, cây xanh.	ha	79,60	40,08	39,52
	+ Diện tích kinh doanh	ha	130,10	62,02	68,08
2	Diện tích kinh doanh đã bán	ha	62,93	42,79	20,14
3	Tỉ lệ đạt được	ha	48,37	69,00	29,58
4	Diện tích đang tồn kho	ha	67,17	19,23	47,94
5	Tổng số các nhà đầu tư trong và ngoài nước	ha	32	29	3

1.2. Đầu tư mở rộng Khu công nghiệp đến 31/12/2014:

- Chuẩn bị đầu tư:
  + Đã hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/500, đang chờ phê duyệt của UBND Tỉnh.
  + Đang triển khai lập thiết kế cơ sở, dự án đầu tư.
- Diện tích mở rộng (khu A: 91,29 ha, khu B: 45,19 ha): 136,48 ha
  + Đã đền bù mở rộng : 23,66 ha
  + Diện tích công ty hiện có (XN Tân Thành) : 4,16 ha
- Tổng diện tích sau mở rộng (khu A: 193,39 ha, Khu B: 154,09 ha): 347,48 ha
- Chi phí thực hiện đến 31/12/2014:
  + Đền bù đất đai (thực hiện năm 2013): 41.287.905.000 đ
  + Chi phí tư vấn: 1.145.320.000 đ

1.3. Đầu tư nhà máy xử lý nước thải 3000m3 ngày/ đêm:

- Diện tích đất sử dụng: 5.000m^2
- Hình thức đầu tư : EPC
- Tổng mức đầu tư : 20.280.402.100 đ
- Thực hiện dự án : đã thực hiện từ năm 2011 đến nay.
- Hiện còn dở dang đến 31/12/2014 : 7.647.281.471 đ

1.4. Đầu tư Trụ sở điều hành Khu công nghiệp Đất Cuốc:

- Diện tích đất sử dụng: 3.204 m^2
- Diện tích xây dựng : 349,36 m^2
- Mục đích sử dụng : khu làm việc, hội họp, hội nghị, xúc tiến đầu tư.
- Quy mô: 1 trệt, 2 lầu.
- Tổng mức đầu tư dự án: 10.944.491.000 đ
- Tổng chi phí thực hiện: 6.544.909.409 đ
- Trong đó: thanh toán chuyển sang năm sau: 1.646.056.357 đ
- Thực hiện thấp hơn dự toán (10.944.491.000 – 6.544.909.409) = 4.399.581.591 đ

1.5. Doanh thu Khu công nghiệp năm 2014: 13.602.209.835 đ

- Doanh thu chuyển nhượng cơ sở hạ tầng : 5.289.279.451 đ
- Doanh thu duy tu sửa chữa : 2.503.459.443 đ
- Doanh thu thuê đất hàng năm : 717.993.344 đ
- Doanh thu xử lý nước thải : 3.476.269.600 đ
- Doanh thu các hoạt động, dịch vụ khác : 1.615.247.997 đ

2. Dự án Trung tâm hội nghị - tiệc cưới Thanh Bình KSB:

2.1. Mô tả dự án:

- Địa điểm: số 5/999 đường Nguyễn Thị Minh Khai, KP Hoà Lân, phường Thuận Giao, TX Thuận An tỉnh Bình Dương.
- Diện tích đất: 13.315m^2
- Quy mô: nhà hàng, 2 sân bóng mini, nhà để xe, bãi đậu xe, cây xanh, cơ sở hạ tầng.
- Sức chứa 140 bàn tiệc
- Tổng mức đầu tư : 39.116.968.733đ
- Thời gian hoàn vốn : 10 năm 6 tháng.

2.2. Thực hiện dự án:

- Tổng đầu tư thực tế đến 31/12/2014: 36.357.130.915 đ
  Trong đó: thanh toán dở dang chuyển năm sau 8.648.635.316 đ
- Thực hiện thấp hơn dự toán (39.116.968.733 – 36.357.130.915) = 2.759.837.818 đ

3. Dự án hệ thống lắng lọc ép khung bản cao lanh:

3.1. Giới thiệu dự án:

- Địa điểm: Ấp 1, xã Minh Long, H. Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Diện tích sử dụng: 8.378m^2
- Công suất: 7.200 tấn/ năm
- Tổng mức đầu tư : 11.042.881.500 đ
- Thời gian hoàn vốn: 8 năm 6 tháng

3.2. Thực hiện dự án:

- Chi phí đầu tư đến 31/12/2014 9.587.918.363 đ
- Trong đó: thanh toán dở dang chuyển năm sau 3.379.762.552 đ
- Thực hiện thấp hơn dự toán (11.042.881.500 – 9.587.918.363) = 1.454.963.137 đ

4. Dự án khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến:

4.1. Giới thiệu dự án:

- Địa điểm : Khu phố Bình Đức, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, Bình Dương.
- Diện tích sử dụng: 26.716,66 m^2
- Đất xây dựng biệt thự: 16.458 m^2
- Số lượng căn hộ (đơn lập: 12 căn, song lập: 56 căn): 68 căn
- Đang chờ phê duyệt quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư.

4.2. Thực hiện dự án:

- Đang thực hiện san lấp nền và làm hàng rào.
- Chi phí đầu tư đến 31/12/2014 : 4.256.441.517 đ
  Trong đó: thanh toán dở dang chuyển năm sau: 3.931.801.981 đ

Tổng hợp dự án đầu tư năm 2014:

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện 2014	Thực hiện dở dang
1	Khu công nghiệp	31.224.893.100	6.544.909.409	9.293.337.828
	+ Nhà máy xử lý nước thải	20.280.402.100		7.647.281.471
	+ Trung tâm điều hành KCN	10.944.491.000	6.544.909.409	1.646.056.357
2	Trung tâm Hội nghị tiệc cưới	39.116.968.733	36.357.130.915	8.648.635.316
3	Hệ thống lắng lọc khung bản cao lanh	11.042.881.500	9.587.918.363	3.379.762.552
4	Khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến	4.256.441.517	4.256.441.517	3.931.801.981
	TỔNG CỘNG	**85.641.184.850**	**56.746.400.204**	**25.253.537.677**

- Ba dự án đầu (trừ nhà máy xử lý nước thải): đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 12/2014, chí phí đầu tư thực tế thực hiện thấp hơn so với tổng vốn đầu tư.
- Đang hoàn thiện hoàn công và quyết toán các dự án.

IV. Hoạt động đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2014:

1- Ngành khai thác chế biến khoáng sản: 8.104.938.307 đ
(Lắp đặt trạm biến áp, máy bơm nước, hệ thống bơm cát, đền bù đất khai thác mỏ)

2- Ngành sản xuất vật liệu xây dựng : 1.601.598.295 đ
(Lắp đặt cẩu xe chở cống, khuôn cống, máy ép than tự động, mở rộng kho…)

3- Khu công nghiệp Đất Cuốc : 587.196.974 đ
(Đường dây và trạm biến áp điện)

Tổng cộng **10.293.733.576 đ**

- Các hoạt động về đầu tư thực hiện theo kế hoạch năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tổ chức quản lý hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đưa vào sử dụng đem lại hiệu quả.
- Sử dụng bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển của công ty.

V. Tình hình các mỏ:

1 - Các mỏ đang hoạt động:

TT	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Thời hạn	Thời gian còn lại (năm)	Trữ lượng còn lại (m^3)
1	Mỏ đá Tân Đông Hiệp (TX Dĩ An Bình Dương)	**22,80**	**31/12/2015**	**1**	**2.518.000**
2	Mỏ đá Phước Vĩnh (H.Phú Giáo - tỉnh Bình Dương):2 giấy phép	**22,36**			**2.305.711**
		9,10	31/12/2015	1	
		13,26	12/10/2017	3	
3	Mỏ đá Tân Mỹ (H. Bắc Tân Uyên,BD) - 2 giấy phép	**28,05**			**5.483.894**
		9,64	20/11/2016	2	
		18,41	01/09/2019	5	
4	Mỏ Cát Dầu Tiếng (H. Dầu Tiếng BD)	**82**	**10/02/2020**	**6**	**604.343**
5	Mỏ đá Cao lanh Tân Lập (H.Bắc Tân Uyên BD)	**24**	**19/10/2021**	**7**	**125.821**
6	Mỏ cao lanh Minh Long (Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước)	**64**	**07/09/2030**	**24**	**7.847.757**

2 - Các mỏ đang lập thủ tục đóng cửa mỏ:

- Mỏ sét gạch ngói: Khánh Bình (xã Tân Hiệp, TX Tân Uyên) : 9,6 ha.
- Đang thực hiện san lắp đóng cửa mỏ năm 2015.

3 - Các mỏ tìm kiếm mới:

- Mỏ đá Minh Hoà, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương : đã khảo sát nhưng không đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng và hiệu quả nên quyết định không đầu tư.
- Mỏ sét Bố Lá, xã Phước Hoà, Huyện Phú Giáo, Bình Dương:
  + Đã khảo sát thực tế, theo đúng trình tự đảm bảo hiệu quả nên quyết định đầu tư.
  + Diện tích : 30 ha (đã đền bù: 1,2 ha)
  + Đã hoàn thành thủ tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng và thiết kế cơ sở.
  + Đang lập dự án đầu tư, ĐTM và xin cấp phép.
- Đã khảo sát các mỏ địa bàn miền Đông, miền Trung và Tây Nguyên nhận thấy không an toàn, giá trị chuyển nhượng cao, rủi ro nhiều, không đảm bảo hiệu quả nên quyết định dừng lại.

VI. Tình hình đất đai:

1. Đất đai theo thủ tục pháp luật: **432,34 ha**

- Diện tích đã được cấp GCN QSDĐ: 363,98 ha

- Diện tích đứng tên cá nhân đại diện công ty: 4,27 ha
- Diện tích đang lập hồ sơ chưa được cấp QSDĐ: 64,09 ha

2. Đất đai theo mục đích sử dụng: 432,34 ha

- Cho khai thác chế biến khoáng sản 168,20 ha
- Cho kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN, dân cư: 240,22 ha
- Cho kinh doanh khác: 23,82 ha

3. Đất đai theo địa bàn: 432,34 ha

3.1. Tại tỉnh Bình Dương: 419,25 ha

- Đất ở Phước Vĩnh + Tam Lập – H. Phú Giáo (mỏ đá): 70,16 ha
- Đất Tân Đông Hiệp – TX Dĩ An (mỏ đá): 31,16 ha
- Đất Tân Mỹ - H. Bắc Tân Uyên (mỏ đá): 38,21 ha
- Đất Tân Mỹ - H. Bắc Tân Uyên (bến thuỷ nội địa): 0,70 ha
- Đất Tân Lập - H. Bắc Tân Uyên (mỏ cao lanh): 18,39 ha
- Đất Tân Thành – H. Bắc tân Uyên (chế biến cao lanh): 4,16 ha
- Đất Tân Hiệp – TX tân Uyên (mỏ sét): 9,64 ha
- Đất Tân Hiệp – TX Tân Uyên (Nhà máy gạch): 4,35 ha
- Đất Minh Hoà + Định An – H. Dầu Tiếng (khai thác cát): 1,10 ha
- Đất tại Thuận Giao – TX Thuận An (Vp công ty + nhà hàng): 1,75 ha
- Đất tại Lái Thiêu – TX Thuận An (khu biệt thự): 2,67 ha
- Đất KCN Đất Cuốc – H. Bắc Tân Uyên: 235,89 ha
- Đất ở Phước Hoà – H. Phú Giáo (mỏ sét) 1,07 ha

3.2. Tại tỉnh Bình Phước 13,09 ha

- Đất tại xã Minh Long, H. Chơn Thành (mỏ cao lanh): 13,09 ha

VII. Thực hiện công tác quản lý điều hành:

1. Chính sách đối với người lao động:

- Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với người lao động (các chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, ốm đau, thải sản…)
- Thông qua công đoàn cơ sở, các quyền lợi khác của người lao động được thực hiện đúng quy chế (tiền thưởng, cưới hỏi, ma chay…).
- Tập huấn các kỹ năng chuyên môn ở các trung tâm đào tạo và tại công ty.
- Tiền lương và thu nhập người lao động năm 2014:
  + Tiền lương bình quân: 7.300.000đ/người/tháng.
  + Thu nhập bình quân : 9.300.000đ/người/tháng.

2. Quản lý điều hành:

- Điều chỉnh và cơ cấu lại các đơn vị cơ sở phù hợp với yêu cầu thực tế theo hướng tích cực.
- Duy trì thường xuyên và có kiểm tra đánh giá hàng năm về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001 – 2008.

- Quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và biến động của từng thời điểm, quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh tế và đầu tư đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, không lãng phí, hạn chế tối đa thất thoát, bảo vệ lợi ích công ty.

3. Chấp hành pháp luật:

- Đầu tư các dự án thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch từ khâu chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và kiểm toán dự án hoàn thành.
- Thực hiện nghiên túc các quy định pháp luật liên quan đến tất cả các hoạt động của công ty. Quá trình kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đánh giá tương đối tốt, cơ bản.

4. Nghĩa vụ xã hội:

- Cùng với chính quyền địa phương ở các địa bàn nơi có tổ chức sản xuất kinh doanh thống nhất chính sách hỗ trợ cho người dân để được sự đồng tình ủng hộ như: tạo việc làm, đền bù thiệt hại hoa màu, chăm sóc sức khoẻ, ngày tết, lễ…
- Đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng ở các địa phương để tạo sự đồng thuận ở các cấp chính quyền như: đường xá, cầu cống, trường học, điện, nước,… bằng tiền và vật liệu xây dựng.
- Thực hiện nghĩa vụ xã hội bằng tiền năm 2014 : 5.713.000.000 đ

  Trong đó :

  + Quỹ vì người nghèo của Tỉnh (UBMTTQ Tỉnh): 2.000.000.000đ
  + Ủng hộ biển đảo thiêng liêng Tổ quốc 520.000.000đ
  + Nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng , hỗ trợ trẻ mồ côi, khuyết tật, chất độc màu da cam, học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các hộ dân, các xã, phường, huyện nơi có khai thác khoáng sản, … : 3.193.000.000đ

5. Khen thưởng năm 2014:

5.1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương:

- Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương năm 2014.
- Đạt thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở 2 năm 2013 – 2014.
- Đã có thành tích xuất sắc trong công tác mặt trận năm 2009 – 2014, trong phong trào thi đua "Toàn tỉnh chung tay xây dựng nông thôn mới: giai đoạn 2011 – 2013 trên địa bàn tỉnh Bình Dương".

5.2. Bằng khen của Cục thuế tỉnh Bình Dương:

Đã có thành tích xuất sắc thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2013.

5.3. Bằng khen của Ban vận động ngày vì người nghèo:

Đã có thành tích xuất sắc trong đóng góp xây dựng "Quỹ vì người nghèo" từ năm 2011 – 2013.

VIII. Đánh giá nhận xét:

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014, các chỉ tiêu chủ yếu về sản lượng đều đạt và vượt kế hoạch mặc dù có một vài chỉ tiêu không đạt (do tác động thị trường có nhiều biến động). Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế đều vượt kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Kết quả đạt được như trên là tương đối cơ bản, vẫn giữ vững được sự phát triển ổn định, đó là do:

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- Được sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cơ quan ban ngành địa phương và Trung Ương.
- Sự đoàn kết, phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động, sự năng động, linh hoạt của Ban điều hành và bộ máy quản lý; sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các đoàn thể, tổ chức quần chúng.
- Được sự cộng tác của khách hàng truyền thống, sự chia sẻ của các cổ đông lớn giúp cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành có những giải pháp thích hợp, kịp thời từng thời điểm.
-Kết quả đạt được năm 2014 là đáng kể, làm cơ sở xây dựng kế hoạch năm 2015.

*** Tồn tại:**

-Dự báo tình hình năm 2014 chưa phù hợp với thực tế, nhiều chỉ tiêu không hoàn thành như : bất động sản, cao lanh, khu công nghiệp,... làm ảnh hưởng đến đời sống của bộ phận người lao động và hiệu quả kinh doanh chung toàn công ty.

- Các mỏ khoáng sản và thời gian hoạt động chưa bảo đảm yêu cầu ổn định lâu dài, chưa tận dụng triệt để tiết kiệm tài nguyên.

-Các dự án đầu tư tiến độ thực hiện chậm, còn nhiều sai sót, quản lý các dự án chưa chuyên nghiệp.

-Công nợ bị chiếm dụng có chuyển biến tích cực, không có nợ xấu nhưng dư nợ vẫn còn cao, ảnh hưởng đến nhu cầu vốn bằng tiền ở từng thời điểm.

-Công tác tiếp thị còn nhiều hạn chế, chưa chuyên nghiệp, đặc biệt là đối với các lĩnh vực đầu tư mới năm 2014.

C - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

I- Chỉ tiêu sản lượng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ
1. Sản lượng sản xuất				
1.1 Ngành KTCB khoáng sản				
* Khai thác chế biến đá				
- Khai thác đá	m^3	**3.322.608**	**3.450.000**	104%
+ Mỏ đá TĐH	m^3	2.409.633	2.500.000	104%
(trong đó: dở dang tại moong)	m^3	*224.382*	*275.618*	
+ Mỏ Phước Vĩnh	m^3	513.482	500.000	97%
+ Mỏ Tân Mỹ	m^3	399.493	450.000	113%
- Chế biến đá	m^3	**2.989.104**	**3.065.185**	103%
+ Mỏ đá TĐH	m^3	2.083.054	2.120.185	102%
+ Mỏ Phước Vĩnh	m^3	509.302	495.000	97%
+ Mỏ Tân Mỹ	m^3	396.748	450.000	113%
* Khai thác chế biến cao lanh				
- Khai thác:	m^3	**56.123**	**70.000**	125%
+ Mỏ Tân Thành, Tân Lập	m^3	46.494	35.000	75%
+ Mỏ Minh Long	m^3	9.629	35.000	363%
- Chế biến	tấn	**15.291**	**22.800**	149%
Chế biến lọc	tấn	**6.896**	**13.800**	200%
+ Mỏ Tân Thành, Tân Lập	tấn	6.816	6.800	100%
+ Mỏ Minh Long	tấn	80	7.000	8.750%
Chế biến nghiền (bột)	tấn	**8.395**	**9.000**	107%
+ Mỏ Tân Thành, Tân Lập	tấn	5.337	5.500	103%
+ Mỏ Minh Long	tấn	3.058	3.500	114%
* Khai thác cát				
+ Mỏ cát lòng hồ Dầu Tiếng	m^3	90.150	120.000	133%
+ Cát tận thu CB cao lanh	m^3		20.000	
* Khai thác sét gạch ngói	m^3		20.000	
(Mỏ SGN Bố Lá)				

1.2 Ngành sản xuất VLXD				
* Gạch xây dựng	viên	**39.501.140**	**40.120.000**	102%
+ Gạch Tuynel	viên	39.459.169	40.000.000	101%
+ Gạch Block	viên	41.971	120.000	286%
* Bê tông đúc sẵn	m	**54.487**	**50.080**	92%
+ Ly tâm, thủ công	m	30.784	27.500	89%
+ Rung lõi	m	23.703	22.580	95%
1.3 Khu công nghiệp Đất Cuốc:				
(Bình quân 1 dự án thanh toán theo thoả thuận đến khi hoàn thành: 12 tháng)				
1.4 Sản xuất khác và dịch vụ				
* Nước tinh khiết	lít	4.117.301	4.000.000	97%
* Vận tải	tấn/km	5.228.284	4.000.000	77%
* Bốc dỡ bến thuỷ nội địa	VNĐ	508.000.000	650.000.000	128%
* Hội nghị, tiệc cưới, dịch vụ phục vụ	VNĐ		6.000.000.000	
* Thi công xây dựng các công trình	VNĐ	12.161.911.620	11.500.000.000	95%

2. Sản lượng tiêu thụ (bán ra)

2.1 Khai thác CB khoáng sản				
- Đá xây dựng	m^3	**3.163.985**	**3.210.000**	101%
+ Đá hộc	m^3	206.136	210.000	102%
+ Đá chế biến các loại	m^3	2.957.849	3.000.000	101%
- Cao lanh				
+ Cao lanh nguyên khai	m^3	11.598	30.000	259%
+ Cao lanh bột	tấn	8.108	9.000	111%
+ Cao lanh tinh	tấn	6.915	13.500	195%
- Cát xây dựng	m^3	**84.181**	**135.000**	160%
+ Cát Dầu Tiếng	m^3	84.181	120.000	143%
+ Cát tận thu	m^3		15.000	
- Sét gạch ngói	m^3		**10.000**	
2.2 Vật liệu xây dựng				
- Gạch xây dựng	viên	**39.526.172**	**40.120.000**	102%
+ Gạch Tuynel	viên	39.419.822	40.000.000	101%

+ Gạch Block	viên	106.350	120.000	113%
- Bê tông đúc sẵn	m	**31.955**	**50.000**	156%
2.3 Khu CN Đất Cuốc	**ha**			
- Diện tích cho thuê	ha	1,2	10	833%
- Giá trị cho thuê	VNĐ	9.700.000.000	80.000.000.000	825%
- Thời gian thanh toán hoàn tất	tháng	12	12	
2.4 Sản xuất khác và dịch vụ				
- Nước tinh khiết	lít	4.121.899	4.000.000	97%
- Bến thuỷ và dịch vụ khác	VNĐ	4.445.771.700	4.700.000.000	106%

II. Chỉ tiêu giá trị

Các chỉ tiêu về giá trị và tài chính	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
1. Doanh thu hoạt động SXKD	**624.008.397.938**	**669.000.000.000**
1.1 Khai thác và chế biến khoáng sản	558.664.307.874	584.600.000.000
- Đá xây dựng	531.117.893.931	537.500.000.000
- Cao lanh	14.341.859.560	26.500.000.000
- Sét gạch ngói		800.000.000
- Cát	13.204.554.383	19.800.000.000
1.2 Sản xuất VLXD	43.085.737.807	53.100.000.000
- Gạch xây dựng	27.930.829.100	29.100.000.000
- Cống bê tông	15.154.908.707	24.000.000.000
1.3 Nước tinh khiết	4.399.475.185	4.300.000.000
1.4 Dịch vụ, hội nghị tiệc cưới		6.000.000.000
1.5 Kinh doanh bất động sản KCN Đất Cuốc	13.602.249.835	16.000.000.000
1.6 Dịch vụ khác	4.256.627.237	5.000.000.000
2. Doanh thu tài chính và thu nhập khác	**13.364.247.823**	**6.000.000.000**
Tổng cộng	**637.372.645.761**	**675.000.000.000**

3. Nộp thuế	**92.002.441.403**	**130.000.000.000**
- Thuế GTGT	23.623.324.417	25.000.000.000
- Thuế TNDN	29.588.044.220	30.000.000.000
- Thuế tài nguyên	27.188.022.593	33.000.000.000
- Phí bảo vệ môi trường	7.573.699.510	6.000.000.000
- Các khoản thuế khác	3.060.020.663	3.000.000.000
- Tiền cấp quyền KTKS	969.330.000	33.000.000.000

4. Lợi nhuận		
- Lợi nhuận trước thuế	**125.309.897.345**	**132.000.000.000**
- Thuế TNDN (22%)	28.324.975.407	30.000.000.000
- CP thuế TNDN hoãn lại	224.885.078	
- Lợi nhuận sau thuế	96.760.036.860	102.000.000.000
(Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ chưa thực hiện)	940.323.729	
5. Lợi nhuận còn lại được phân phối	**95.819.713.131**	**102.000.000.000**
- Cổ tức (25%)	45.000.000.000	45.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển (10%)	9.581.971.314	10.200.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	11.498.365.576	15.300.000.000
- Quỹ điều hành của HĐQT + BKS	2.000.000.000	2.000.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	27.739.376.241	29.500.000.000
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp)	**5.335**	**5.667**
7. Tỷ suất:		
- Tỷ suất lợi nhuận		
+ Tỷ suất LN trước thuế trên DT	19,66%	19,56%
+ Tỷ suất LN sau thuế trên DT	15,18%	15,11%
- Tỷ suất LN trên vốn chủ sở hữu		
+ Tỷ suất LN trước thuế trên vốn CSH	25,78%	26,46%
+ Tỷ suất LN sau thuế trên vốn CSH	19,91%	20,45%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
+ Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	16,06%	16,65%
+ Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	12,40%	12,87%

III. Đầu tư mở rộng sản xuất và phục vụ SXKD năm 2015:

1 - Các dự án về mỏ khoáng sản năm 2015:

1.1. Mục tiêu xuyên suốt là khai thác chế biến khoáng sản, là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực và điều kiện để tích lũy hỗ trợ mở rộng và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

1.2. Phải tận dụng triệt để nguồn tài nguyên khoáng sản bằng công nghệ mới, hiện đại phù hợp để nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm năm 2015 và những năm sau.

1.3. Phải thực hiện các thủ tục pháp luật về khai thác mỏ để ổn định cho 10 năm (2015 đến năm 2025)

- Bảo đảm hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản thực hiện các chỉ tiêu năm 2015.
- Các giấy phép khai thác mỏ phải hoàn thành năm 2015 (đang thực hiện dở dang năm 2014)

+ Mở rộng, xuống sâu và cấp mới các mỏ thuộc địa bàn huyện Phú giáo, Bình Dương:

➢ **Mỏ đá Phước Vĩnh (Mở rộng, xuống sâu):**

- Diện tích hiện có: 23 ha Cos+11
- Diện tích mở rộng: 7 ha
- Diện tích sau mở rộng xuống sâu: 30 ha Cos -20
- Trữ lượng sau mở rộng xuống sâu: 18.000.000 m^3.
- Thời gian khai thác: 11 năm.
- Đã được chấp thuận của UBND tỉnh Bình Dương đang thực hiện các thủ tục pháp luật hoàn thành tháng 09/2015.

➢ **Mỏ đá Tam Lập: (xin cấp mới liền kề với mỏ Phước Vĩnh).**

- Diện tích xin cấp mỏ: 16 ha
- Diện tích đất đền bù cho dân (thuộc sở hữu của công ty): 16 ha
- Cos khai thác: -20
- Trữ lượng khai thác: 13.000.000 m^3.
- Thời gian khai thác: 13 năm.
- Đang chờ thủ tục điều chỉnh quy hoạch khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương (2015-2020). Lập thủ tục chính thức quý 4/2015.

➢ **Mỏ Sét gạch ngói Bố Lá Phước Hòa:**

- Diện tích xin cấp mới: 30 ha.
- Trữ lượng Sét gạch ngói: 5.000.000 m^3
- Thời hạn là: 16 năm.
- Đã hoàn thành thủ tục thăm dò phê duyệt trữ lượng. Thiết kế cơ sở đang lập dự án đầu tư ĐTM và xin cấp phép xong tháng 06/2015.
- Đã thỏa thuận đền bù được 1,2ha và đang tiếp tục.
- Dự kiến đầu tư hạ tầng và khai thác mỏ vào quý 4/2015 để lấy nguyên liệu cho sản xuất gạch Tuynel và kinh doanh (công suất 250.000 m^3/năm).

+ Mở rộng xuống sâu địa bàn huyện Bắc Tân Uyên Bình Dương:

➢ **Mỏ đá Tân Mỹ:**

- Diện tích hiện có: 28 ha Cos -30 m
- Diện tích mở rộng: 12 ha Cos -70 m
- Diện tích sau mở rộng xuống sâu: 40 ha Cos -70 m
- Trữ lượng : 28.000.000 m^3
- Thời gian khai thác: 14 năm.

- Đã thực hiện xong thăm dò, phê duyệt trữ lượng, thiết kế cơ sở.
- Lập dự án đầu tư, ĐTM, xin cấp phép, dự kiến xong 30/06/2015.

+ Mỏ đá trên địa bàn thị xã Dĩ An – Bình Dương:

➢ **Mỏ đá Tân Đông Hiệp:**

- Diện tích hiện có: 22,8 ha Cos kỹ thuật: 100m
- Trữ lượng còn lại: 2.000.000 m^3
- Thời gian còn lại: 31/12/2015.
- Dự kiến xuống sâu: Cos -120 m, tăng thêm 20 m
- Diện tích xuống sâu: 16 ha
- Trữ lượng: 4.480.000 m^3.
- Thời gian: 2 năm
- Đang xin chủ trương của UBND tỉnh và chính quyền địa phương phường TĐH, UBND thị xã Dĩ An, Dự kiến lập thủ tục vào tháng 06/2015.

Tóm lại: Các mỏ đang hoạt động bình thường là: 06 mỏ. Trong đó xin mở rộng xuống sâu và tăng thời gian: 03 mỏ đá, xin cấp mới: 01 mỏ sét gạch ngói (2015) và 01 mỏ đá Tam Lập, Phú Giáo(2016).

1.4. Tiếp tục thực hiện tìm kiếm các mỏ mới trên địa bàn đông nam bộ và tây nguyên để chuẩn bị đầu tư lâu dài: xin thăm dò cấp phép mới, mua lại các mỏ đang hoạt động hoặc đang thăm dò nếu hiệu quả và bền vững.

1.5. Chi phí đầu tư các dự án mỏ 2015:

- Chi phí tư vấn lập thủ tục pháp luật để xin cấp phép (03 mỏ đá +01 mỏ sét gạch ngói)		4.500.000.000 đ
- Đền bù cho dân:		46.400.000.000 đ
+ Mỏ Sét gạch ngói Bố lá Phước Hòa giai đoạn I:	10 ha	20.000.000.000 đ
+ Diện tích mở rộng mỏ Phước Vĩnh:	1,6 ha	2.400.000.000 đ
+ Mở rộng mỏ đá Tân Mỹ:	12 ha	24.000.000.000 đ
- Chi phí đầu tư hạ tầng (Đường ra vào mỏ, Điện…), để khai thác mỏ Sét gạch ngói vào quý 4/2015 theo dự án.		4.000.000.000 đ
Cộng		**54.900.000.000 đ**

2 - Các dự án đầu tư hoạt động kinh doanh khác:

2.1. Các dự án đã đầu tư hoàn thành và đang thực hiện dở dang chuyển tiếp năm 2015:

- Trung tâm hội nghị tiệc cưới thanh bình KSB:	8.648.635.616 đ
- KCN Đất cuốc (Nhà máy nước thải và trung tâm điều hành):	9.293.337.828 đ
- Khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến (san lấp mặt bằng và hàng rào):	3.931.801.981 đ
Cộng:	**25.253.537.977 đ**

- Tiếp tục hoàn thiện, nghiệm thu, quyết toán, thanh toán, kiểm toán bàn giao đưa vào sử dụng và nhập tài sản trước 30/04/2015.

2.2. Các dự án đầu tư mới :.

- Dự án nhà ở cao cấp Bình đức Tiến (1)

+ Diện tích sử dụng đất: 2,65 ha 100%

➢ Đất làm cở sở hạ tầng: 1,00 ha 37,7%

➢ Đất xây dựng nhà ở cao cấp: 1,65 ha 62,3%.

+ Hình thức sử dụng đất: nộp tiền sử dụng đất một lần theo định giá của UBND tỉnh Bình Dương, địa bàn thị xã Thuận An.

+ Số lượng nhà ở cao cấp: 68 căn.

➢ Nhà đơn lập (300-500 m^2) : 12 căn.

➢ Nhà song lập (200 m^2): 56 căn.

+ Khái toán chi phí đầu tư :

➢ Đầu tư hạ tầng :

- Chuẩn bị đầu tư : 1.747.746.000 đ
- Cơ sở hạ tầng: 22.175.092.000 đ
- Chi phí khác + dự phòng phí : 12.418.746.000 đ
- Tiền sử dụng đất 1 lần/ diện tích đất xây dựng (1,6 ha x 5.500.000 đ/m^2): 90.520.210.000 đ

Cộng: 126.861.794.000 đ

Bình quân 1 m2 : 7.708.000 đ

➢ Chi phí xây lắp (68 căn)

Loại nhà	Số lượng	Xây thô	Hoàn Thiện	Cổng, sân vườn, hàng rào 1 căn	Cộng	Đơn giá 1 căn
Đơn lập 1	2	1.610.000.000	2.012.500.000	362.250.000	7.969.500.000	3.984.750.000
Đơn lập 2	6	1.341.600.000	1.677.000.000	301.860.000	19.922.760.000	3.320.460.000
Đơn lập 3	4	1.212.480.000	1.515.600.000	272.808.000	12.003.552.000	3.000.888.000
Song lập 1	18	1.497.600.000	1.872.000.000	336.960.000	66.718.080.000	3.706.560.000
Song lập 2	36	1.420.560.000	1.775.700.000	319.626.000	126.571.896.000	3.515.886.000
Song lập 3	2	2.293.600.000	2.867.000.000	516.060.000	11.353.320.000	5.676.660.000
Cộng	**68**	**98.803.680.000**	**123.504.600.000**	**22.230.828.000**	**244.539.108.000**	**3.596.163.353**

(Giá bình quân 1 căn là: 3.596.163.353 đ/căn)

Tổng mức đầu tư theo khái toán của dự án: 371.400.902.000 đồng

+ Nhu cầu vốn bằng tiền để thực hiện dự án năm 2015 là:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 22.175.092.000 đồng.
- Xác định tiền sử dụng đất phải nộp và thực hiện nộp năm 2016

- Dự án mở rộng khu công nghiệp đất cuốc giai đoạn 1(H. Bắc Tân Uyên Bình Dương) (2)

+ Diện tích được chính phủ cho phép mở rộng: 340,16 ha
+ Giai đoạn 1 từ năm 2014 đến 2018: 136,48 ha
+ Giai đoạn 2 từ năm 2018 đến 2020: 203,68 ha
+ Đã được UBND tỉnh Bình Dương Qui hoạch sử dụng đất toàn bộ diện tích mở rộng: 340,16 ha.
+ Qui hoạch chi tiết 1/500 giai đoạn 1: 136,48 ha đã được duyệt (đất kinh doanh là 122,69 ha tương đương 90%).
+ Diện tích toàn khu sau khi mở rộng giai đoạn 1 là: 347,48 ha (211 ha + 136,48 ha)
+ Tổng diện tích đất mở rộng giai đoạt I là: 136,48 ha

- Diện tích đã đền bù và có là: 26,00 ha
- Diện tích đền bù tiếp là: 110,48 ha

+ Tổng mức đầu tư mở rộng theo khái toán là: 539.096.000.000 đ

- Chi phí đền bù bình quân: 136,48 ha x 2.000.000.000 đ: 272.960.000.000đ
- Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng (1.950.000.000 đ): 266.136.000.000 đ

+ Nhu cầu vốn bằng tiền mặt để đền bù giải phóng mặt bằng năm 2015 là: 220.960.000.000 đ.
+ Thi công xây dựng hạ tầng diện tích mở rộng đầu năm 2016.

2.3. Khảo sát, nghiên cứu lựa chọn lập các dự án mới về chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD.

- Cưa xẻ đá mồ côi, đá bàn tận dụng trong quá trình khai thác mỏ đá Phước Vĩnh - Phú Giáo.
  + Công suất: 100.000m3/năm
  + Sản phẩm : đá ốp lát, lót vỉa hè, lót sân vườn…
  + Địa điểm xây dựng : tại mỏ đá Phước Vĩnh – Phú Giáo Bình Dương.
  + Công nghệ : tiêu chuẩn Châu âu.
- Gạch không nung: thay thế gạch đất sét nung.
  + Nguyên liệu sử dụng : xi măng, đá mi bụi.
  + Công suất: 15.000.000 viên/năm
  + Công nghệ sản xuất: Châu Á (Nhật, Hàn Quốc)
  + Sản phẩm: Gạch đặc, gạch 04 lỗ 8x18…
  + Địa điểm xây dựng: Mỏ đá Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên BD.
- Hệ thống lắng lọc cao lanh
  + Nguyên liệu sử dụng: cao lanh cát pha (tỷ lệ cát nhiều)

+ Công suất: 15.000 tấn

+ Công nghệ sản xuất: Ép lọc khuôn bản, lọc chân không dây đĩa …..(Châu Á: Đài Loan,Trung Quốc).

+ Sản phẩm:

- Cao lanh chất lượng cao phục vụ cho các nhu cầu chất độn công nghiệp, sản xuất sứ cao cấp,… độ ẩm từ 5% đến 30%.
- Cát phục vụ cho xây dựng và các nhu cầu khác.

+ Địa điểm: Mỏ cao lanh Minh Long – Chơn Thành Bình Phước.

- Chi phí phục vụ cho các dự án mới ước tính: 1.000.000.000đ

3 - Đầu tư XDCB khác phục vụ hoạt động SXKD

3.1. Xây dựng cơ bản mỏ để chuẩn bị nâng công suất 2016:

- Mỏ Phước Vĩnh – Phú Giáo BD: 4.800.000.000 đ

+ Duy tu nâng cấp đường ra vào mỏ và liên thông qua mỏ Tam Lập: 1.800.000.000 đ

+ Hệ thống điện và bơm nước tháo khô mỏ: 500.000.000 đ

+ Xây dựng trụ sở làm việc theo qui hoạch và dự án mỏ phục vụ quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh: 2.500.000.000 đ

- Mỏ Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên BD: 1.200.000.000 đ

+ Nâng cấp đường vận chuyển, cơ sở hạ tầng mỏ: 1.200.000.000 đ

Cộng: 6.000.000.000 đ

3.2. Xây dựng cơ bản các lãnh vực khác:

- Sửa chữa đường giao thông quốc lộ 1K: 1.000.000.000 đ
- Làm đường vận chuyển cát lòng hồ Dầu Tiếng, xây dựng hàng rào nhà máy gạch tuynel và khác: 1.500.000.000 đ

Cộng: 2.500.000.000 đ

Cộng (3.1 +3.2): 8.500.000.000 đ

4 - Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư năm 2015

4.1. Các dự án về mỏ: 54.900.000.000 đ

4.2. Thanh toán XDCB hoàn thành năm 2014 (chuyển qua 2015): 25.253.537.977 đ

4.3. XD hạ tầng khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến: 22.175.092.000 đ

4.4. Đền bù giải phóng mặt bằng KCN Đất Cuốc: 220.960.000.000 đ

4.5. Hoạt động đầu tư để SX 2015 và chuẩn bị 2016: 8.500.000.000 đ

4.6. Nghiên cứu, khảo sát xây dựng 3 dự án mới: 1.000.000.000 đ

Cộng: 332.788.629.977đ

Ghi chú:

- Mua quyền sử dụng đất (46.400.000.000+220.960.000.000): 267.360.000.000 đ
- Đầu tư dự án + đầu tư XDCB: 65.428.629.977 đ

5 - Nguồn vốn để thực hiện dự án và đầu tư XDCB:

5.1. Vốn chủ sở hữu (Quỹ ĐTPT SX) : 160.828.629.977 đ

5.2. Bán hạ tầng KCN: 100.000.000.000 đ

5.3. Các nguồn lực khác (huy động): 21.000.000.000 đ

5.4. Vay ngân hàng thương mại : 50.960.000.000 đ

(Riêng đền bù giải phóng mặt bằng linh hoạt phù hợp với từng thời điểm).

IV. Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2015

1 - Thị trường tiêu thụ:

1.1. Duy trì các thị trường hiện có, truyền thống, thanh toán tốt đáp ứng và linh hoạt trong quá trình giao nhận các loại sản phẩm và số lượng, giá cả, tiến độ, thanh toán.

1.2. Mở thêm các thị trường mới để tiêu thụ hết các loại sản phẩm và dịch vụ kế hoạch năm 2015: chú trọng đến các loại sản phẩm chưa có thị trường ổn định như bê tông đúc sẵn, cát XD, cao lanh nguyên khai Minh Long và các sản phẩm mới: nhà ở cao cấp, dịch vụ, hội nghị, tiệc cưới,…

1.3. Tăng cường quảng cáo tiếp thị bằng nhiều hình thức, công khai các chính sách bán hàng đối với người mua, nhà đầu tư và bảo đảm uy tín trong quá trình thực hiện.

1.4. Tiếp thu và điều chỉnh ngay những sai sót và khiếu nại của khách hàng với thái độ thành khẩn cầu thị, giữ vững thương hiệu, đội ngũ cán bộ làm thị trường phải nâng cao tính chuyên nghiệp.

2 - Công tác quản lý điều hành

2.1. Chất lượng các loại sản phẩm và hàng hoá dịch vụ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn Iso 9001-2008 đã đăng ký và công bố.

2.2. Tổ chức hạch toán sâu và chi tiết từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ, xác định hiệu quả từng tháng để điều chỉnh kịp thời.

2.3. Hợp lý hoá các công đoạn sản xuất, kiểm soát chặt chẽ các hao phí để hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh, khuyến khích các đơn vị đầu mối và cá nhân hoặc nhóm người lao động áp dụng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật để năng suất tăng, chất lượng bảo đảm, giảm chi phí bằng các chính sách cụ thể.

2.4. Quản lý chặt chẽ nợ phải thu, không có nợ xấu, mất nợ, mức dư nợ bình quân năm 2015 phải phấn đấu giảm xuống dưới 90 tỷ.

2.5. Thực hiện đúng tiến độ và chất lượng các dự án đầu tư và hoạt động đầu tư năm 2015, trình tự đầu tư phải đúng quy định pháp luật, đúng mục tiêu chiến lược được Đại hội Đồng

cổ đông thông qua, từng dự án và hoạt động đầu tư phải được xem xét kỹ lưỡng, và bảo đảm hiệu quả.

2.6. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ để thay thế Ban điều hành và tham gia HĐQT nhiệm kỳ tới.

2.7. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật, điều lệ hoạt động của công ty, qui chế nội quy, qui trình, qui phạm, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, xử lý và phục hồi môi trường tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.

2.8. Thực hiện nghĩa vụ xã hội dựa trên cơ sở hiệu quả và từng địa bàn hoạt động, có trách nhiệm với người dân và cộng đồng dân cư, từ khu phố, ấp, xã, phường, huyện, thị xã, tỉnh để tạo sự đồng thuận , ủng hộ để ổn định sản xuất lâu dài.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Ban điều hành xin kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và quyết định./.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ĐÌNH HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0650- 3822602 Fax: 0650- 3823922. Website: bimico.com.vn.

Số: 03/TT- KS

Thuận An, ngày 27 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn đơn vị kiểm toán.

***Kính gởi*: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.**

- Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ tài chính;
- Căn cứ vào công bố Danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước;

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương, ở điều 48 về công tác kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã chọn Chi nhánh công ty TNHH DELOITTE Việt Nam là đơn vị thực hiện việc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2014 của công ty và hiện nay đã thực hiện xong.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đề nghị tiếp tục chọn Chi nhánh công ty TNHH DELOITTE Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán theo qui định của pháp luật, thực hiện việc kiểm toán cho năm tài chính 2015, đây là đơn vị có đủ năng lực, uy tín và chuyên nghiệp .

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

TRẦN ĐÌNH HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0650- 3822602 Fax: 0650- 3823922. Website: bimico.com.vn.

Số: 04/TT- KS

Thuận An, ngày 27 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

***Kính gởi*: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.**

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương, tại khoản 1 điều 31 quy định: *" Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ".*

Hội đồng quản trị Công ty CP khoáng sản và xây dựng Bình Dương trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc **Chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm chức Tổng giám đốc Công ty trong năm 2015** với những lý do sau:

1. Qui mô hoạt động của Công ty không lớn, doanh thu hàng năm chưa vượt quá 700 tỷ đồng.
2. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm đều tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước. Để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch năm 2015, cần phải bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo điều hành, có những quyết định nhanh chóng, kịp thời, tận dụng những mối quan hệ, lòng tin để đạt kết quả tốt nhất cho công ty.
3. Việc kiêm nhiệm thời gian qua vẫn bảo đảm tính công khai, minh bạch không vi phạm các qui định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN ĐÌNH HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0650- 3822602 Fax: 0650- 3823922. Website: bimico.com.vn.

Số: 01/TT- KS

Thuận An, ngày 27 tháng 03 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

Kính gởi : **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.**

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty CP khoáng sản và xây dựng Bình Dương xin trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 về việc phân phối lợi nhuận như sau :

1/ Chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức, cụ thể:

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
A- Phân phối lợi nhuận năm 2014:	
1. Lợi nhuận trước thuế	125.309.897.345
2. Chi phí thuế TNDN phải nộp ngân sách nhà nước	28.324.975.407
3. Thuế TNDN hoãn lại	224.885.078
4. Lợi nhuận sau thuế	96.760.036.860
5. Trừ: lãi chênh lệch tỉ giá ngoại tệ chưa thực hiện	940.323.729
6. Lợi nhuận còn lại phân phối:	95.819.713.131
- Quỹ đầu tư phát triển (5% LN còn lại)	4.790.985.657
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (12% LN còn lại)	11.498.365.576
- Chia cổ tức: 30% vốn điều lệ	54.000.000.000
+ Đã chia đợt 1 năm 2014: 15% vốn điều lệ	27.000.000.000
+ Chia tiếp đợt 2 năm 2014: 15% vốn điều lệ	27.000.000.000
- Thù lao của HĐQT và BKS	2.000.000.000
- Lợi nhuận còn lại chưa chia	23.530.361.898
7. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2014	24.470.685.627

B- **Phân phối lợi nhuận năm trước + thặng dư vốn cổ phần+ lợi nhuận còn lại năm nay:**	
1. Lợi nhuận năm trước còn lại:	16.305.018.721
2. Thặng dư vốn cổ phần:	37.000.000.000
3. Lợi nhuận năm nay còn lại	24.470.685.627
Cộng	**77.775.704.348**
Trong đó: Lãi chênh lệch tỉ giá ngoại tệ chưa thực hiện	14.717.223.659
4. Tổng tiền còn lại được phân phối	63.058.480.689
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (30% VĐL)	54.000.000.000
- Lợi nhuận còn lại	9.058.480.689

2/ Chấp thuận chia cổ tức như nêu trên là: 60% vốn điều lệ bằng: 108.000.000.000 đ.
cụ thể: - Bằng tiền mặt: 30% vốn điều lệ là: 54.000.000.000 đ.
- Bằng cổ phiếu: 30% vốn điều lệ là: 54.000.000.000 đ.

3/ Lợi nhuận còn lại sau phân phối: 23.775.704.348 đ
Gồm có:
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại cuối năm: 14.717.223.659 đ
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 9.058.480.689 đ

Đề nghị:
+ Trích thưởng cho Ban điều hành và trưởng phó phó phòng ban, đơn vị sản xuất (50 người) 2.000.000.000 đ
+ Bổ sung quỹ đầu tư phát triển công ty 4.000.000.000 đ
+ Lợi nhuận để lại chuyển năm sau 3.058.480.689 đ

Hội đồng quản trị xin trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN ĐÌNH HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0650- 3822602 Fax: 0650- 3823922. Website: bimico.com.vn.

Thuận An, ngày 27 tháng 03 năm 2015

PHỤ LỤC SỐ 01 CỦA

TỜ TRÌNH SỐ 01/TT-KS VỀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

(V/v: Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét và thông qua các nội dung sau:

Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014:

1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng/01 cổ phiếu.
3. Cổ phiếu quỹ: Không có.
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: Tối đa là 5.400.000 cổ phiếu và tối thiểu là 5.400.000 cổ phiếu (số lượng cổ phiếu phát hành có thể nhỏ hơn do xử lý cổ phiếu lẻ).
5. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 54.000.000.000 đồng.
6. Tỷ lệ thực hiện: 30% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 30 cổ phiếu mới).
7. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014.
8. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
9. Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014.
10. Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ.
11. Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối

tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán là 10.000 đồng/01 cổ phiếu. Số tiền thu được từ bán cổ phiếu lẻ sẽ được trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu có phần lẻ thập phân.

Ví dụ: Cổ đông XYZ có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu 75 cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:30, số cổ phiếu được trả cổ tức trong năm 2014 cho cổ đông XYZ là (75*30)/100 = 22.5 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông thực tế được nhận 22 cổ phiếu và 5.000 đồng bằng tiền mặt cho phần lẻ 0.5 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ này sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty phân phối cho các đối tượng khác với giá bán là 10.000 đồng/01 cổ phiếu.

12. Thời gian phát hành dự kiến: Trong quý III/2015 và sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.
13. Niêm yết bổ sung: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức năm 2014 sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam.
14. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT:
    - ✓ Lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu thích hợp sau khi có chấp thuận của UBCKNN;
    - ✓ Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để hoàn tất phương án phát hành, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành theo phương án nêu trên tại VSD, HOSE nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và cho công ty.
    - ✓ Sửa đổi Điều lệ về phần vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành nêu trên.
    - ✓ Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo kết quả của đợt phát hành nêu trên.

Hội đồng quản trị xin kính trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3700148821 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG TX. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

TRẦN ĐÌNH HẢI